

**Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma**  
**Môn học: PĀLI PHÁP CÚ**

**Bài học thứ sáu 6.1.2023**

---

**VII**  
**PHẨM A LA HÁN**  
**(arahantavagga)**

**VII. Phẩm Alahán \_ Kệ số 10 (dhp 99)**

**Duyên sự:**

Bài kệ này đức Phật thuyết khi Ngài trú tại Jetavana gần thành Sāvatti, vì câu chuyện vị tỳ kheo sống trong rừng già.

Tương truyền có một tỳ kheo nọ thọ đầu đà khát thực, sau khi học đề mục thiền nơi bậc Đạo Sư đã đi vào khu rừng già hành sa môn pháp.

Một cô gái làng chơi đã hẹn hò với gã đàn ông đến khu rừng ấy, nhưng gã đàn ông không đến. Cô ả đi lang thang thì thấy vị tỳ kheo đang hành thiền dưới gốc cây, liền nảy sinh ý nghĩ sẽ cám dỗ vị tỳ kheo. Cô ả đến trước mặt vị tỳ kheo làm nhiều cử chỉ khêu gợi.

Đức Phật ở tại hương thất Jetavana với thiên nhãn thấy rõ sự việc, Ngài dùng thần thông xuất hiện trước mặt vị tỳ kheo và nói với vị ấy: “Này tỳ kheo, khu rừng là nơi khả ái chỉ đối với những người lìa tham ái; còn đối với các người tâm cầu dục lạc thì không phải là chỗ ngoạn mục”. Nói xong đức Phật nói lên bài kệ: “*Ramaṇiyāni araṇṇāni ... na te kāmāgavesino ’ti*”.

Khi dứt bài kệ, vị tỳ kheo ấy chứng đắc A la hán với tuệ đạt thông.

\*

**Chánh văn:**      **Ramaṇīyāni araññāni**  
**yattha na ramatī jano**  
**vītarāgā ramissantī**  
**na te kāmagavesino.**

(dhp 99)

\*

**Thích văn:**

**ramaṇīyāni** [chủ cách số nhiều trung tính của tính từ **ramaṇīya** ( $\sqrt{\text{ram}} + \text{aṇīya}$ )] đáng ưa thích, đáng yêu, khả ái.

**araññāni** [chủ cách số nhiều của danh từ trung tính **arañña**] các khu rừng.

**yattha** [trạng từ] bất cứ ở đâu, bất cứ nơi nào, chỗ mà.

**na** [phân từ phủ định] không, chẳng.

**ramatī** [**ramati** ( $\sqrt{\text{ram}} + \text{a}$ ) động từ hiện tại ngôi III số ít] thích thú, vui thích.

**jano** [chủ cách số ít của danh từ nam tính **jana**] con người, dân chúng, quần chúng.

**vītarāgā** [chủ cách số nhiều của hợp thể danh từ nam tính **vītarāga** ( $\text{vīta} + \text{rāga}$ )] các vị đã lìa tham ái, bậc ly ái.

**ramissantī** [động từ vị lai ngôi III số nhiều của động từ **ramati** ( $\sqrt{\text{ram}} + \text{a}$ ) sẽ ưa thích, sẽ thích thú.

**te** [chủ cách số nhiều nam tính của chỉ thị đại từ **ta**] những người ấy.

**kāmagavesino** [chủ cách số nhiều của danh từ hợp thể nam tính **kāmagavesī** ( $\text{kāma} + \text{gavesī}$ )] những người tầm cầu dục lạc, những kẻ tìm kiếm các dục.

\*

**Viết văn:** Các khu rừng khả ái  
chỗ quần chúng không thích  
các vị ly ái sẽ thích  
vì không tìm dục lạc.

(pc 99)

\*

**Chuyển văn:**

*Ramaṇyāni araṅṅāni yattha jano na ramati vītarāgā ramissanti te na kāmāgavesino.*

Những khu rừng ngoạn mục là nơi mà kẻ tục không thích đến, chỉ có các bậc ly ái là những người không tâm cầu dục lạc mới ưa thích.

\*

**Lý giải:**

Kẻ phạm tục tâm còn phiền não sẽ không thích đến những nơi rừng rú, có đến chăng khi họ đi vào rừng để săn thú hoặc đốn cây hoặc lấy củi làm kế sinh nhai thôi.

Các bậc ly tham, không tâm cầu dục lạc, là các vị lậu tận A la hán mới thích thú ẩn cư trong rừng sâu, các khu rừng là cảnh ngoạn mục đối với những vị ấy.

*Dứt phạm thứ bảy  
Phạm A la hán*

*Tỳ khuru Tuệ Siêu biên soạn*